

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Hải Dương, 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình	: Quản trị kinh doanh
Ngành đào tạo	: Quản trị kinh doanh (Business Administration)
Mã ngành	: 7340101
Trình độ đào tạo	: Đại học
Loại hình đào tạo	: Chính quy

*(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-ĐHSD, ngày 24 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và thích ứng với các môi trường làm việc; có ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, khả năng sáng tạo, tự học để phát triển trong lĩnh vực quản trị kinh doanh thời kỳ hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về toán học, tin học và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về kinh tế học, thống kê, thương mại, marketing, tài chính và kế toán.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về chiến lược kinh doanh, quản trị nhân lực, tác nghiệp, chất lượng, thương hiệu để quản lý và điều hành tổ chức kinh tế.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng khai thác mạng internet và phần mềm tin học văn phòng để thống kê, phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế.

1.2.2.2. Có kỹ năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế.

1.2.2.3. Có năng lực ngoại ngữ để nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, giao tiếp, ứng xử, giải quyết công việc với đồng nghiệp, chuyên gia nước ngoài.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân Quản trị kinh doanh; đảm nhận được công việc tại các tổ chức kinh tế, các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý, kinh doanh với vai trò quản trị và điều hành kinh doanh; tự tạo lập doanh nghiệp về sản xuất hoặc kinh doanh; làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo và Viện nghiên cứu; đủ điều kiện theo học ở các bậc trình độ cao hơn.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức về toán học và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ Thông tin và truyền thông .

2.1.4. Phân tích được quan hệ cung cầu trên thị trường, chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, phương pháp kế toán và hạch toán các quá trình kinh tế chủ yếu, chính sách marketing và thương mại.

2.1.5. Phân tích được chiến lược kinh doanh, hoạch định nguồn nhân lực, quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu.

2.1.6. Vận dụng được các kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát để quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các tổ chức kinh tế.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Giải quyết được các vấn đề về hoạch định chính sách, phát triển nguồn nhân lực, quản trị chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu phù hợp với mục tiêu, sứ mệnh của tổ chức kinh tế.

2.2.2. Ra quyết định độc lập, sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh dựa

trên phân tích, đánh giá các chính sách quản lý và điều hành tổ chức kinh tế.

2.2.3. Xây dựng và tổ chức triển khai được phương án, dự án sản xuất kinh doanh.

2.2.4. Truyền đạt được vấn đề, giải pháp chuyên môn tới người khác một cách rõ ràng dễ hiểu, đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.5. Có kỹ năng hợp tác, thích ứng với môi trường, công việc mới và dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.

2.2.6. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Có khả năng định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

2.3.3. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

2.3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến quản trị kinh doanh.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 04 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 146 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	62	47	15
8.1.1		Lý luận chính trị	11	11	0
1.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
4.	CTRI 004	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn	8	8	0
6.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
7.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
8.	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	2	2	0
9.	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
8.1.3		Ngoại ngữ	11	11	0
8.1.3.1		Tiếng Anh	11	11	0
10.	TANH 001	Tiếng Anh 1	2	2	0
11.	TANH 002	Tiếng Anh 2	2	2	0
12.	TANH 003	Tiếng Anh 3	2	2	0
13.	TANH 004	Tiếng Anh 4	2	2	0
14.	TANH 016	Tiếng Anh ngành Quản trị kinh doanh	3	3	0
8.1.3.2		Tiếng Trung Quốc	11	11	0
15.	TTRUNG 004	Tiếng Trung 1	2	2	0
16.	TTRUNG 005	Tiếng Trung 2	2	2	0
17.	TTRUNG 006	Tiếng Trung 3	2	2	0
18.	TTRUNG 007	Tiếng Trung 4	2	2	0
19.	TTRUNG 008	Tiếng Trung 5	3	3	0
8.1.3.3		Tiếng Nhật	11	11	0
20.	TNHAT 001	Tiếng Nhật 1	2	2	0
21.	TNHAT 002	Tiếng Nhật 2	2	2	0
22.	TNHAT 003	Tiếng Nhật 3	2	2	0
23.	TNHAT 004	Tiếng Nhật 4	2	2	0
24.	TNHAT 005	Tiếng Nhật 5	3	3	0
8.1.4		Toán học - Tin học	13	11	2
25.	TOAN 006	Toán ứng dụng C1	3	3	0
26.	TOAN 007	Toán ứng dụng C2	3	3	0
27.	TOAN 008	Xác suất và thống kê	3	3	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
28.	TINCB 001	Tin học cơ bản 1	2	1	1
29.	TINCB 002	Tin học cơ bản 2	2	1	1
8.1.5		Giáo dục thể chất	3	0	3
30.	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
31.	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
32.	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	1	0	1
8.1.6		Giáo dục quốc phòng và an ninh	165h (4t)		
33.	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165h (4t)		
8.1.7		Kỹ năng mềm	12	6	6
		PHẦN BẮT BUỘC	12	6	6
34.	KNMC1	Kỹ năng giao tiếp	2	1	1
35.	KNMC2	Kỹ năng làm việc nhóm	2	1	1
36.	KNMC3	Kỹ năng thích ứng	2	1	1
37.	KNMC4	Kỹ năng lập kế hoạch - Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện	2	1	1
38.	KNMC5	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	2	1	1
39.	KNMC6	Kỹ năng tư duy sáng tạo - Phản biện	2	1	1
		PHẦN TỰ CHỌN			
		<i>TỰ CHỌN TÙY Ý</i>			
40.	KNMC7	Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp	2	1	1
41.	KNMC8	Kỹ năng lãnh đạo	1	1	0
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	91	54	37
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	19	15	4
42.	QTKD 013	Kinh tế vi mô	3	2	1
43.	QTKD 014	Kinh tế vĩ mô	3	2	1
44.	QTKD 015	Luật kinh tế	2	2	0
45.	QTKD 017	Lý thuyết thống kê	3	2	1
46.	TOAN 009	Quy hoạch tuyến tính	3	3	0
47.	KETOAN 002	Kinh tế lượng	3	2	1
48.	QTKD 001	Marketing căn bản	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.2.2		Kiến thức ngành	21	16	5
		PHẦN BẮT BUỘC	18	14	4
49.	QTKD 007	Kỹ năng quản trị	2	1	1
50.	QTKD 003	Giao tiếp trong kinh doanh	3	2	1
51.	QTKD 012	Thương mại quốc tế	3	2	1
52.	QTKD 004	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0
53.	QTKD 009	Quản trị học	3	3	0
54.	KETOAN 003	Nguyên lý kế toán căn bản	3	2	1
55.	QTKD 019	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	2	0
		PHẦN TỰ CHỌN	3	2	1
		<i>TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 1 (Chọn 1 trong 3 học phần sau)</i>	3	2	1
56.	KETOAN 026	<i>Lập và phân tích dự án đầu tư</i>	3	2	1
57.	KETOAN 016	<i>Phân tích hoạt động kinh tế</i>	3	2	1
58.	QTKD 006	<i>Kế toán tài chính</i>	3	2	1
8.2.3		Kiến thức chuyên ngành	34	23	11
		PHẦN BẮT BUỘC	30	21	9
59.	QTKD 010	Quản trị chất lượng	3	2	1
60.	QTKD 008	Quản trị Marketing	3	2	1
61.	QTKD 011	Quản trị nhân lực	2	2	0
62.	QTKD 023	Quản trị kinh doanh 1	3	2	1
63.	QTKD 024	Quản trị kinh doanh 2	3	2	1
64.	QTKD 020	Quản trị chiến lược	4	3	1
65.	QTKD 021	Quản trị tác nghiệp 1	3	2	1
66.	QTKD 022	Quản trị tác nghiệp 2	3	2	1
67.	QTKD 028	Quản trị bán hàng	3	2	1
68.	QTKD 029	Quản trị thương hiệu	3	2	1
		PHẦN TỰ CHỌN	4	2	2
		<i>TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 2 (Chọn 2 trong 3 phần sau)</i>	4	2	2

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
69.	KETOAN 032	Thị trường chứng khoán	2	1	1
70.	KETOAN 015	Thuế	2	1	1
71.	QTKD 031	Tính chi phí kinh doanh	2	1	1
		TỰ CHỌN TÙY Ý			
72.	KHXH 018	Soạn thảo văn bản trong kinh doanh	2	1	1
73.	QTKD 018	Thống kê doanh nghiệp	3	2	1
74.	QTKD 025	Đề án quản trị tác nghiệp	2	0	2
75.	QTKD 026	Đề án quản trị kinh doanh	2	0	2
76.	QTKD 402	Thực tập chuyên đề	3	0	3
8.2.4		Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	17	0	17
77.	QTKD 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
78.	QTKD 401	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	10	0	10
79.	QTKD 030	Kinh tế môi trường	2	1	1
80.	QTKD 032	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	2	1
81.	QTKD 033	Quản trị văn phòng	3	2	1
82.	QTKD 034	Văn hoá kinh doanh	2	1	1
		Tổng (tín chỉ)	153	101	52

9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN – CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

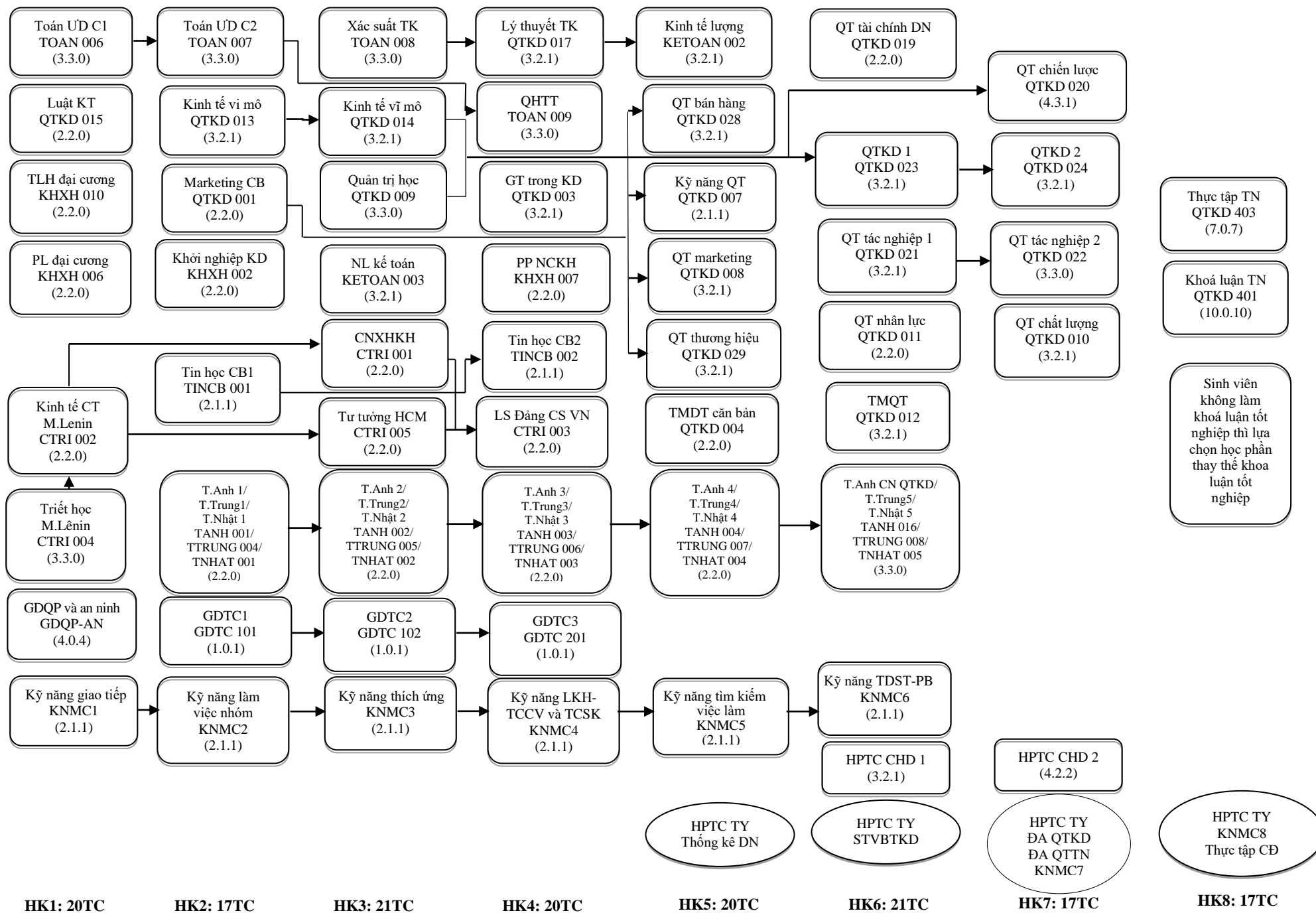
STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x									x			x	x		
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x									x			x	x		
3.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x									x			x	x		
4.	CTRI 004	Triết học Mác-Lênin	x									x			x	x		
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x									x			x	x		
6.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	x									x			x	x		
7.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học						x				x			x	x	x	
8.	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	x									x			x	x		
9.	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh				x							x		x	x	x	
10.	TANH 001	Tiếng Anh 1		x										x	x			
11.	TANH 002	Tiếng Anh 2		x										x	x			
12.	TANH 003	Tiếng Anh 3		x										x	x			
13.	TANH 004	Tiếng Anh 4		x										x	x			
14.	TANH 016	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD		x										x	x			
15.	TTRUNG 004	Tiếng Trung 1		x										x	x			
16.	TTRUNG 005	Tiếng Trung 2		x										x	x			
17.	TTRUNG 006	Tiếng Trung 3		x										x	x			
18.	TTRUNG 007	Tiếng Trung 4		x										x	x			
19.	TTRUNG 008	Tiếng Trung 5		x										x	x			
20.	TNHAT 001	Tiếng Nhật 1		x										x	x			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
21.	TNHAT 002	Tiếng Nhật 2		x										x	x			
22.	TNHAT 003	Tiếng Nhật 3		x										x	x			
23.	TNHAT 004	Tiếng Nhật 4		x										x	x			
24.	TNHAT 005	Tiếng Nhật 5		x										x	x			
25.	TOAN 006	Toán ứng dụng C1		x								x			x	x		
26.	TOAN 007	Toán ứng dụng C2		x								x			x	x		
27.	TOAN 008	Xác suất và thống kê		x								x			x	x		
28.	TINCB 001	Tin học cơ bản 1			x					x					x	x		
29.	TINCB 002	Tin học cơ bản 2			x					x					x	x		
30.	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	x									x			x			
31.	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	x									x			x			
32.	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	x									x			x			
33.	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng và an ninh	x									x			x			
34.	KNMC1	Kỹ năng giao tiếp	x									x	x		x	x		
35.	KNMC2	Kỹ năng làm việc nhóm	x									x	x		x	x		
36.	KNMC3	Kỹ năng thích ứng	x									x	x		x	x		
37.	KNMC4	Kỹ năng lập kế hoạch - Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện	x									x	x		x	x		
38.	KNMC5	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	x									x	x		x	x		
39.	KNMC6	Kỹ năng tư duy sáng tạo - phản biện	x									x	x		x	x		
40.	KNMC7	Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp	x									x	x		x	x		
41.	KNMC8	Kỹ năng lãnh đạo	x									x	x		x	x		

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm				
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
42.	QTKD 013	Kinh tế vi mô			x					x						x	x		
43.	QTKD 014	Kinh tế vĩ mô			x					x						x	x		
44.	QTKD 015	Luật kinh tế				x		x		x	x						x	x	
45.	QTKD 017	Lý thuyết thống kê				x		x		x						x	x		
46.	TOAN 009	Quy hoạch tuyến tính		x								x				x	x		x
47.	KETOAN 002	Kinh tế lượng		x							x	x					x	x	
48.	QTKD 001	Marketing căn bản				x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
49.	QTKD 007	Kỹ năng quản trị						x	x	x			x		x	x			
50.	QTKD 003	Giao tiếp trong kinh doanh				x					x		x		x	x			
51.	QTKD 012	Thương mại quốc tế				x			x						x	x			
52.	QTKD 004	Thương mại điện tử căn bản				x			x						x	x	x	x	
53.	QTKD 009	Quản trị học				x					x		x				x	x	
54.	KETOAN 003	Nguyên lý kế toán căn bản				x					x				x	x			
55.	QTKD 019	Quản trị tài chính doanh nghiệp				x	x					x			x	x			
56.	KETOAN 026	Lập và phân tích dự án đầu tư																	
57.	KETOAN 016	Phân tích hoạt động kinh tế		x				x			x		x				x	x	
58.	QTKD 006	Kế toán tài chính				x					x		x		x	x			
59.	QTKD 010	Quản trị chất lượng						x		x	x				x		x	x	
60.	QTKD 008	Quản trị Marketing			x				x						x	x			
61.	QTKD 011	Quản trị nhân lực						x	x	x			x		x	x	x	x	
62.	QTKD 023	Quản trị kinh doanh 1						x	x	x					x				x
63.	QTKD 024	Quản trị kinh doanh 2						x	x	x			x		x				x

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
64.	QTKD 020	Quản trị chiến lược					x	x	x	x	x	x	x		x	x		
65.	QTKD 021	Quản trị tác nghiệp 1						x		x					x	x	x	x
66.	QTKD 022	Quản trị tác nghiệp 2						x		x	x				x	x		
67.	QTKD 028	Quản trị bán hàng						x	x	x			x		x	x		
68.	QTKD 029	Quản trị thương hiệu					x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
69.	KETOAN 032	Thị trường chứng khoán				x				x		x			x	x		
70.	KETOAN 015	Thuế				x		x		x		x			x	x		
71.	QTKD 031	Tính chi phí kinh doanh					x	x	x	x	x	x			x	x		
72.	KHXH 018	Soạn thảo văn bản trong kinh doanh			x			x		x		x			x	x		
73.	QTKD 018	Thống kê doanh nghiệp				x				x					x	x		
74.	QTKD 025	Đề án quản trị tác nghiệp						x				x			x	x		
75.	QTKD 026	Đề án quản trị kinh doanh						x				x			x	x		
76.	QTKD 402	Thực tập chuyên đề				x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
77.	QTKD 403	Thực tập tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
78.	QTKD 401	Khóa luận tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
79.	QTKD 030	Kinh tế môi trường				x					x				x	x	x	x
80.	QTKD 032	Giao dịch và đàm phán kinh doanh					x	x	x	x	x	x	x		x	x		
81.	QTKD 033	Quản trị văn phòng					x	x					x		x			x
82.	QTKD 034	Văn hoá kinh doanh				x	x		x	x		x	x		x	x	x	x

10. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO



11. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN - HỆ ĐẠI HỌC

11.1. Mô tả các học phần

1. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học giới thiệu khái quát cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản khoa học về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của Kinh tế chính trị; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Giúp sinh viên nhận thức được bản chất của các hiện tượng, quá trình kinh tế diễn ra trong xã hội, tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương pháp luận khoa học cho sinh viên trong hoạt động thực tiễn của bản thân.

3. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; đường lối lãnh đạo của Đảng về xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng chống thực dân Pháp xâm lược từ 1945 - 1954 và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược giải phóng miền Nam thống nhất đất nước từ 1945 - 1975; đường lối Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thông qua các kỳ đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng giai đoạn 1975 - 1986; lãnh đạo đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hoá và hội nhập quốc tế từ năm (1986 - 2020). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng kiến thức đường lối của Đảng vào thực tiễn.

4. Triết học Mác-Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: Vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật

lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

6. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Hiến pháp (Luật Nhà nước), Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động, Luật phòng chống tham nhũng. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

7. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

8. Tâm lý học đại cương

Học phần Tâm lý học đại cương giới thiệu cho sinh viên nội dung cơ bản về: Những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng làm việc nhóm và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vận dụng các quy luật, cơ chế vận hành của tâm lý vào đời sống con người.

9. Khởi nghiệp kinh doanh

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

10. Tiếng Anh 1

Học phần tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

Ngữ pháp: Cung cấp kiến thức về: thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, động từ tobe, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định, sở hữu cách.

Từ vựng: Các nhóm danh từ chỉ nghề nghiệp, gia đình, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet.

Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

11. Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng các thì cơ bản của tiếng Anh như hiện tại đơn, quá khứ đơn, tương lai, các cấu trúc ngữ pháp với giới từ, tính từ, trạng từ...

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ và các từ loại khác theo những chủ điểm khác nhau: Lễ hội, du lịch, văn hóa, môi trường, thể dục thể thao...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc hàng ngày, giao tiếp, ứng xử...

12. Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

13. Tiếng Anh 4

Học phần Tiếng Anh 4 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau :

- Từ vựng : Học phân cung cấp hệ thống từ vựng về các chủ điểm: Nhà cửa, kinh doanh, cuộc sống thường ngày, công việc, nơi làm việc, du lịch, mua sắm...

- Ngữ pháp: Học phân cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về thì của động từ, đại từ nhân xưng; sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ, thể bị động, từ nối và giới từ, cấu trúc so sánh, mệnh đề quan hệ, đại từ quan hệ, cách sử dụng danh động từ và động từ nguyên thể, phân biệt các chức năng của từ nối và giới từ, ...

- Kỹ năng : Luyện các kỹ năng nói, nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC. Kỹ năng nói tập trung vào các chủ đề thường gặp trong cuộc sống thường ngày, kỹ năng hội thoại, trả lời phỏng vấn. Kỹ năng nghe gồm 3 nội dung chính: nghe mô tả tranh, hỏi - đáp, nghe đoạn hội thoại ngắn và đoạn độc thoại.

14. Tiếng Anh chuyên ngành QTKD

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

Từ vựng về các chủ điểm: Tiếp thị quốc tế, xây dựng mối quan hệ trong kinh doanh, thành công trong kinh doanh, thỏa mãn trong công việc, rủi ro, thương mại điện tử, làm việc nhóm, huy động tài chính, dịch vụ khách hàng, quản lý rủi ro, phong cách quản lý, tương lai của ngành kinh doanh.

Cấu trúc câu về các thì hiện tại và các thì quá khứ, kiến thức ngữ pháp về các lĩnh vực: Từ ghép, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, giới từ, tiền tố, danh động từ, động từ nguyên thể, từ nối, câu bị động, trạng từ chỉ mức độ, câu điều kiện diễn đạt các tình huống trong lĩnh vực chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

15. Tiếng Trung 1

Học phần gồm 13 bài học về các chủ điểm: Làm quen, hỏi họ tên, quốc tịch, hỏi địa điểm, xác nhận đồ vật, đổi tiền, mua bán, ăn uống...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

- Ngữ âm: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung: cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán.

- Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi địa điểm, đổi tiền, mua bán, ăn uống...

- Ngữ pháp: Kiến thức ngữ pháp trong mỗi bài từ dễ đến khó: Cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在... cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

16. Tiếng Trung 2

Học phần Tiếng Trung 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ điểm giao tiếp trong học phần: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo.

- Ngữ pháp: Câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ “的”, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ “有”, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền - số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc “又...又...”, “一点儿” và “有一点儿”, “还是” và “或者”.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết tương liên quan đến các chủ điểm giao tiếp trong học phần.

17. Tiếng Trung 3

Học phần Tiếng Trung 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí “了”, bổ ngữ trạng thái, câu hỏi dùng ngữ điệu nghi vấn, cách hỏi với “多”, phân biệt được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”, cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách hỏi nguyên nhân.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: hoạt động hàng ngày, sở thích cá nhân, cách biểu đạt phương hướng, thời gian,...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống, ...

18. Tiếng Trung 4

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bổ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn, hơn nhất, so sánh bằng, so sánh giống nhau, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra. Bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

19. Tiếng Trung 5

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bổ ngữ động lượng, trợ từ động thái, bổ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, lặp lại tính từ, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bổ ngữ xu hướng đơn, bổ ngữ xu hướng kép, ... Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

20. Tiếng Nhật 1

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm.

- Ngữ pháp: Thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định.

- Từ vựng: Các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, nghề nghiệp, quốc tịch, tuổi tác, cách nói sở hữu, giá cả, nguồn gốc hàng hóa, vị trí đồ vật.

21. Tiếng Nhật 2

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng từ bài 1 đến bài 2.

- Ngữ pháp: Cách chia động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho, tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, trợ từ đi cùng với động từ, trạng từ chỉ mức độ, tần suất.

- Từ vựng: Chủ đề như ngày tháng, phương tiện giao thông, thể thao, mua sắm, ăn uống.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị sự đồng ý, tán thành, cách nói giờ giấc, ngày tháng.

22. Tiếng Nhật 3

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng từ bài 3 đến bài 6.

- Ngữ pháp: Cách biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, lượng từ, giới từ chỉ vị trí, động từ -iru, -aru.

- Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về sở thích, giải thích lý do, mô tả sự sở hữu, tồn tại của người và sự vật, so sánh, đếm đồ vật và các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp

23. Tiếng Nhật 4

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng từ bài 7 đến bài 8.

- Ngữ pháp: Các thể của động từ, nhóm động từ, các cấu trúc câu mệnh lệnh, cảm đoán, sai khiến, biểu thị mong muốn, cho phép.

- Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về chủ đề tại nơi làm việc, nhà hàng, ngân hàng, mua bán, hỏi thăm, đưa chỉ dẫn, biểu thị mong muốn, thói quen, liệt kê đặc điểm của sự vật, diễn đạt trình tự các sự kiện, các hoạt động thường ngày của bản thân, đối tượng giao tiếp.

24. Tiếng Nhật 5

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng từ bài 9 đến bài 10.

- Ngữ pháp: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta.

- Từ vựng: Chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết sử dụng các cấu trúc trong bài học biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và mô tả được sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng, mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc hoặc không cần thiết thực hiện hành động, câu thăm hỏi và đưa lời mời, mô tả khả năng, sở thích, hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.

25. Toán ứng dụng C1

Học phần Toán ứng dụng C1 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Đại số tuyến tính: Tập hợp, ánh xạ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, dạng toàn phương.

- Giải tích hàm một biến: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân và ứng dụng trong phân tích kinh tế.

26. Toán ứng dụng C2

Học phần Toán ứng dụng C2 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng; đạo hàm riêng, vi phân, cực trị của hàm nhiều biến, hàm thuần nhất, hàm ẩn và ứng dụng trong kinh tế; phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai, các mô hình phân tích động trong kinh tế.

27. Xác suất và thống kê

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất: biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thống kê toán: lý thuyết mẫu, ước lượng điểm, ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan và hồi quy.

28. Tin học cơ bản 1

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, các kiến thức cơ bản về cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu.

29. Tin học cơ bản 2

Học phần tin học cơ bản 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

30. Giáo dục thể chất 1

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, vai trò, ý nghĩa của học phần Giáo dục thể chất đối với sinh viên. Tiêu chuẩn đánh giá thể lực cho sinh viên. Các giai đoạn của kỹ thuật chạy cự ly ngắn. Phương pháp và nội dung tập luyện kỹ thuật chạy cự ly ngắn. Các bài tập phát triển thể lực chung và chuyên môn của kỹ thuật chạy ngắn.

31. Giáo dục thể chất 2

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các quy định về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật cơ bản của các môn thể thao. Bóng đá: kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân; bóng chuyền: kỹ thuật chuyền bóng thấp tay; bóng chuyền hơi: kỹ thuật chuyền bóng thấp tay; bóng rổ: kỹ thuật tại chỗ ném rổ; cầu lông: kỹ thuật phát cầu thuận, trái tay. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của từng môn.

32. Giáo dục thể chất 3

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật nâng cao của môn thể thao mà sinh viên đăng ký. Bóng đá: Kỹ thuật dẫn bóng luôn chọc sút cầu môn; bóng chuyền: Kỹ thuật chuyền bóng cao tay, phát bóng; bóng chuyền hơi: Kỹ thuật chuyền bóng cao tay, phát bóng; bóng rổ: Kỹ thuật hai bước lên rổ; cầu lông: Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải, trái. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn từng môn.

33. Giáo dục quốc phòng – An ninh

Môn học Giáo dục quốc phòng an ninh bao gồm những kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

34. Kỹ năng giao tiếp

Học phần kỹ năng giao tiếp cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm và vai trò của kỹ năng giao tiếp đối với cá nhân, đối với đời sống xã hội; các nguyên tắc trong giao tiếp: tôn trọng đối tượng trong giao tiếp, nhạy bén, đồng cảm trong giao tiếp, thiện chí trong giao tiếp và tôn trọng các giá trị văn hóa khi giao tiếp với nhau; các kỹ năng giao tiếp hiệu quả: kỹ năng tạo thiện cảm, thấu hiểu tâm lý, kỹ năng lắng nghe và lắng nghe có hiệu quả, kỹ năng thuyết trình và các yêu cầu để thuyết trình thành công; các phương tiện giao tiếp cơ bản: ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; Đồng thời học phần cũng cung cấp cho sinh viên các hình thức trong giao tiếp ứng xử trong nhà trường: giao tiếp, ứng xử với thầy cô, cán bộ, công nhân viên, ứng xử với khách đến liên hệ với trường, ứng xử với anh chị khóa trên, ứng xử với bạn bè cùng trang lứa và các em khóa dưới, ứng xử với cảnh quan nhà trường, ứng xử với trang phục. Từ đó sinh viên biết vận dụng vào trong quá trình học tập, rèn luyện của bản thân và trong giao tiếp hàng ngày.

35. Kỹ năng làm việc nhóm

Học phần kỹ năng làm việc nhóm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm; cách thức và quy chế tổ chức nhóm, các nguyên tắc làm việc theo nhóm, quá trình làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề trong nhóm, đánh giá kết quả của nhóm; những khó khăn khi làm việc theo nhóm: thường nể nang các mối quan hệ, không chịu đưa ra những ý kiến, thích thụ động, không để ý đến công việc của nhóm ngồi làm chuyện riêng, không dứt khoát, đùn đẩy trách nhiệm cho người khác. Từ đó, sinh viên biết vận dụng xây dựng và làm việc nhóm trong quá trình học tập và rèn luyện của bản thân.

36. Kỹ năng mềm thích ứng

Học phần Kỹ năng thích ứng cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng thích ứng; thích ứng với môi trường sống; kỹ năng thích ứng trong học tập của sinh viên: khái niệm kỹ năng thích ứng trong học tập, sự cần thiết sinh viên phải thích ứng trong học tập, nội dung cần thích ứng trong học tập; kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc và các giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng: xác định tư tưởng, đối diện với thử thách, chấp nhận thay đổi để thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống, giao lưu với mọi người, luôn mỉm cười. Hình thành cho sinh viên khả năng thích ứng, qua đó vận dụng trong học tập và trong cuộc sống.

37. Kỹ năng mềm lập kế hoạch - Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện

Học phần Kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc và tổ chức sự kiện cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc và tổ chức sự kiện; các nguyên tắc, phương pháp lập kế hoạch. Tổ chức sự kiện, phân biệt các loại sự kiện và ý nghĩa tổ chức sự kiện; quy trình tổ chức sự kiện: hình thành chủ đề cho sự kiện, viết chương trình cho sự kiện, hoạch định

công việc cần thiết, thực hiện kế hoạch có kèm kiểm soát, tổ chức sự kiện và theo dõi sự kiện, kết thúc sự kiện và họp rút kinh nghiệm; Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức công việc và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện.

38. Kỹ năng tìm kiếm việc làm

Nội dung học phần Kỹ năng tìm kiếm việc làm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, quá trình tìm việc làm; đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp; tìm kiếm cơ hội việc làm; kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc: đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, phô tô bằng cấp, giấy chứng nhận sức khoẻ, bảng điểm, hộ khẩu; phỏng vấn tuyển dụng: chuẩn bị tốt cho buổi phỏng vấn, tham dự phỏng vấn, sau buổi phỏng vấn; thương lượng về lương bổng và các quyền lợi khác các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả các kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với yêu cầu việc làm của xã hội.

39. Kỹ năng tư duy sáng tạo – phản biện

Học xong Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng thích ứng, Kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc và tổ chức sự kiện, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

40. Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp

Học phần kỹ năng mềm 7 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: khái niệm và vai trò của kỹ năng phát triển cá nhân, những yếu tố cần thiết để phát triển cá nhân: phát triển tầm nhìn cá nhân, lên kế hoạch phát triển cá nhân, bắt đầu quá trình thay đổi, ghi lại quá trình phát triển bản thân của mình; khái niệm phát triển sự nghiệp cá nhân, thiết lập mục tiêu dài hạn cho phát triển sự nghiệp của cá nhân và xây dựng định hướng cho sự nghiệp hiện tại. Từ đó sinh viên biết vận dụng vào trong quá trình học tập, rèn luyện của bản thân và trong sự nghiệp sau khi ra trường.

41. Kỹ năng lãnh đạo

Học phần kỹ năng lãnh đạo cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm và vai trò của lãnh đạo đối với tổ chức và xã hội; các nguyên tắc trong lãnh đạo: có tinh thần hợp tác, hiểu rõ về bản thân, tự kiểm soát, phẩm chất đạo đức, không ngừng học hỏi, tinh thần cạnh tranh, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và chịu trách nhiệm; các kỹ năng lãnh đạo hiệu quả: quản lý sự biến động, truyền cảm hứng và trao quyền, ứng xử và giao tiếp, truyền thông, tự động viên, kiến thức chuyên môn/ngành nghiệp, xử lý thông tin và năng lực tư duy. Các phong cách lãnh đạo cơ bản: lãnh đạo ủy quyền, lãnh đạo dẫn đường, lãnh đạo chuyên quyền, lãnh đạo dân chủ, lãnh đạo phục vụ, lãnh đạo chuyển đổi, lãnh đạo giao dịch, lãnh đạo thuyết phục.

42. Kinh tế vi mô

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô như: Vấn đề khan hiếm; chi phí cơ hội; những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp; quy luật

cung cầu; nguyên tắc lựa chọn của người tiêu dùng; lựa chọn sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn của các loại hình doanh nghiệp; vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố sản xuất như vốn, lao động, đất đai; vai trò của chính phủ trong việc giải quyết những thất bại của kinh tế thị trường.

43. Kinh tế vĩ mô

Học phần kinh tế vĩ mô nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của các biến số kinh tế vĩ mô. Rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích lý thuyết và nhận biết định lượng về sự biến động của các hiện tượng này và quá trình biến đổi kinh tế trong một nền kinh tế thị trường. Học phần sẽ trang bị những kiến thức cơ bản về chính sách vĩ mô của nhà nước. Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được vào việc phân tích sự biến động của nền kinh tế Việt Nam và trên thế giới.

44. Luật kinh tế

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực kinh doanh làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính, ngân hàng, luật thương mại cũng như các chế định pháp lý cơ bản điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: Địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, chế độ pháp lý về hợp đồng, cách thức ký kết và đảm bảo thực hiện hợp đồng, pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về tài chính.

45. Lý thuyết thống kê

Lý thuyết thống kê là một môn khoa học xã hội, nó phản ánh bản chất và tính quy luật của hiện tượng, thông qua các con số, các biểu hiện về lượng của hiện tượng. Học phần Lý thuyết thống kê cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như phương pháp tính toán, phân tích cơ bản trong thống kê.

46. Quy hoạch tuyến tính

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc thiết lập bài toán quy hoạch tuyến tính từ các vấn đề kinh tế, vận dụng phương pháp đơn hình, định lý đối ngẫu, phương pháp thế vị, phương pháp truy toán Belman vào giải các lớp bài toán quy hoạch tuyến tính riêng biệt với mục đích tìm phương án tối ưu.

47. Kinh tế lượng

Học phần Kinh tế lượng cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc thiết lập mô hình toán học để mô tả mối quan hệ giữa các biến số, từ đó thu thập số liệu để ước lượng được mô hình, kiểm định bản chất của sự phụ thuộc, sử dụng các biện pháp khác nhau để phát hiện các khuyết tật của mô hình và có biện pháp khắc phục, với mục đích lựa chọn mô hình phù hợp với lý thuyết, sử dụng mô hình đó để dự báo và ra quyết định.

48. Marketing căn bản

Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của marketing, quá trình hình thành hệ thống thông tin marketing, hoạt động nghiên cứu marketing, sự tác động của môi trường đến hoạt động marketing và quá trình triển khai các công cụ của marketing – mix: Sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

49. Kỹ năng quản trị

Học phần Kỹ năng quản trị cung cấp những kiến thức cơ bản và các kỹ năng cần thiết để giúp nhà quản trị ở các cấp điều hành doanh nghiệp có hiệu quả, đồng thời nhằm giúp các nhà quản trị vượt qua những trở ngại thường gặp nhất của đa số nhà quản trị mới vào nghề là sự thiếu hụt những kỹ năng và tài năng quản trị. Cụ thể, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chủ yếu như: Tổng quan kỹ năng quản trị, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản trị sự thay đổi.

50. Giao tiếp trong kinh doanh

Học phần Giao tiếp trong kinh doanh trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tế về giao tiếp, những vấn đề lý luận về giao tiếp, những kiến thức về những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp như: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết thư tín, báo cáo,... đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng phương tiện trong giao tiếp đạt hiệu quả cao nhất.

51. Thương mại quốc tế

Học phần Thương mại quốc tế giới thiệu các chính sách thương mại, các định chế kinh tế thế giới đang hoạt động cũng như tình hình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Do đó sau khi học học phần này sinh viên sẽ có cái nhìn toàn diện hơn về hoạt động thương mại quốc tế và trang bị cho mình kỹ năng về giao dịch trên thị trường trong cũng như ngoài nước.

Sau khi đã nắm được những vấn đề cơ bản về thương mại quốc tế, sinh viên sẽ lý giải dễ dàng hơn các sự việc đang diễn ra hằng ngày trong nền kinh tế liên quan đến hoạt động giao thương giữa các quốc gia.

52. Thương mại điện tử căn bản

Học phần Thương mại điện tử căn bản nghiên cứu tổng quan về thương mại điện tử, nghiên cứu thị trường thương mại điện tử. giới thiệu kiến thức về các hoạt động giao dịch trong thương mại điện tử, các biện pháp đảm bảo an toàn trong kinh doanh thương mại điện tử và những lĩnh vực ứng dụng thương mại điện tử.

53. Quản trị học

Quản trị học là học phần cơ sở ngành cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh. Học phần giới thiệu các chức năng của nhà quản trị như chức năng hoạch định, tổ

chức, lãnh đạo, kiểm tra. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp cho người học những kiến thức chung về môi trường tổ chức, vấn đề ra quyết định và sự phát triển của tư tưởng quản trị.

54. Nguyên lý kế toán căn bản

Nguyên lý kế toán căn bản là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, vai trò của kế toán và các phương pháp kế toán, vận dụng các phương pháp kế toán vào hạch toán các quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Giúp sinh viên có kiến thức tổng quát về kế toán, là nền tảng cho các môn học kế toán.

55. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị vốn cố định, vốn lưu động; chi phí, doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp; nguồn vốn và các công cụ huy động vốn của doanh nghiệp, cơ cấu nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn; giá trị theo thời gian của tiền, tỷ suất sinh lời và rủi ro; đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và phân tích tài chính doanh nghiệp.

56. Lập và phân tích dự án đầu tư

Học phần Lập và phân tích dự án đầu tư cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập dự án (các loại dự án đầu tư, nguồn hình thành vốn đầu tư,... và hệ thống các văn bản pháp luật về dự án đầu tư của Việt Nam).

Học phần xem xét những vấn đề lý luận chung về đầu tư phát triển, về dự án đầu tư phát triển. Trên cơ sở đó, đi sâu xem xét trình tự và các nội dung cần nghiên cứu trong quá trình soạn thảo dự án đầu tư; xem xét công tác tổ chức soạn thảo dự án; xem xét nội dung, phương pháp phân tích đánh giá các khía cạnh của dự án ở giai đoạn nghiên cứu khả thi: Nghiên cứu điều kiện vĩ mô, nghiên cứu khía cạnh thị trường, nghiên cứu khía cạnh kỹ thuật, nghiên cứu khía cạnh tổ chức quản lý và nhân sự, nghiên cứu khía cạnh tài chính và kinh tế - xã hội.

Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Trên cơ sở các kiến thức căn bản của học phần này đã cung cấp, sinh viên sẽ tiếp cận được kiến thức của các học phần khác trong chương trình ở năm thứ tư.

57. Phân tích hoạt động kinh tế

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh như: Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh theo từng mặt hàng, phân tích chất lượng sản phẩm, phân tích tính đồng bộ của sản xuất, phân tích các yếu tố về lao động, các yếu tố về tài sản cố định, phân tích yếu tố nguyên vật liệu. Phân tích tình hình lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh. Phân tích tình hình tài chính. Thông qua phân tích đưa ra các quyết định và giải pháp hợp lý mang lại hiệu quả cao nhất.

58. Kế toán tài chính

Học phần kế toán tài chính trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ các phần hành kế toán, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

59. Quản trị chất lượng

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về chất lượng sản phẩm/dịch vụ, quản lý chất lượng sản phẩm, chi phí quản lý chất lượng, các nguyên tắc, đặc điểm của một số hệ thống quản lý chất lượng, tiêu chuẩn hoá và đo lường chất lượng, vai trò và ý nghĩa của kiểm tra và đánh giá chất lượng sản phẩm, áp dụng các công cụ thống kê trong kiểm tra và quản lý chất lượng.

60. Quản trị Marketing

Học phần Quản trị marketing giới thiệu các khái niệm và quan điểm về quản trị marketing, phân tích các cơ hội, nguy cơ của thị trường và tiên đoán nhu cầu thị trường, hoạch định chiến lược marketing, quản trị chiến lược marketing, tổ chức thực hiện chương trình marketing, kiểm tra các hoạt động marketing.

61. Quản trị nhân lực

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò quản trị nhân lực trong tổ chức hay doanh nghiệp, chiến lược của tổ chức về quản trị nhân sự và các quan hệ dân sự đồng thời thực hiện chính sách lao động tiền lương, các biện pháp để quản lý người lao động, giúp người lao động gắn bó với doanh nghiệp.

62. Quản trị kinh doanh 1

Học phần Quản trị kinh doanh 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh, kỹ năng quản trị, phong cách quản trị, các vấn đề cơ bản về tạo lập doanh nghiệp, quản trị quá trình sản xuất, ra quyết định quản trị, quản trị nhân lực và quản trị chất lượng. Giúp sinh viên có kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh, nghiên cứu cơ hội và điều kiện kinh doanh, xây dựng bộ máy quản trị, phân tích và lập kế hoạch kế hoạch sản xuất, kế hoạch nguồn nhân lực và kiểm tra, kiểm soát, quản trị chất lượng trong doanh nghiệp. Từ đó xây dựng tiềm lực, nền tảng để giúp sinh viên khi ra trường có kiến thức và kỹ năng để nhận biết và ra quyết định kinh doanh đúng đắn.

63. Quản trị kinh doanh 2

Học phần Quản trị kinh doanh 2 nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý trong doanh nghiệp. Các mặt trong quá trình quản lý như quản lý công nghệ - kỹ thuật, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính và các hoạt động quản trị về tính toán kết quả và chi phí để có thể ra quyết định đúng đắn trong kinh doanh và giúp doanh nghiệp phát triển.

64. Quản trị chiến lược

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về quản trị chiến lược, quy trình quản trị chiến lược. Hướng dẫn sinh viên cách thức phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ của từng doanh nghiệp; giới thiệu công cụ để phân tích và lựa chọn chiến lược, quy trình lựa chọn chiến lược; các chiến lược cấp doanh nghiệp, cấp đơn vị kinh doanh, cấp chức năng và chiến lược mang tính toàn cầu hóa; nội dung các bước của việc tổ chức thực hiện chiến lược, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

65. Quản trị tác nghiệp 1

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về quản trị tác nghiệp, thực chất, vai trò và các phương pháp dự báo, các nhân tố ảnh hưởng tới hoạch định công suất, các phương pháp hỗ trợ lựa chọn phương án hoạch định công suất, các nhân tố ảnh hưởng tới định vị doanh nghiệp và các phương pháp đánh giá định vị doanh nghiệp.

66. Quản trị tác nghiệp 2

Học phần Quản trị tác nghiệp 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khái quát về các chiến lược và các phương pháp hoạch định tổng hợp, yêu cầu và trình tự của hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, phương pháp phân giao công việc trong doanh nghiệp, quản trị dự án sản xuất và phương pháp xác định kích cỡ lô hàng. Qua đó giúp sinh viên lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực quản trị tác nghiệp tại doanh nghiệp.

67. Quản trị bán hàng

Cung cấp kiến thức cơ bản về bán hàng, quản trị bán hàng; hành vi mua hàng của khách hàng tiêu dùng, khách hàng tổ chức; phương pháp bán hàng. Sau khi học xong học phần quản trị bán hàng sinh viên vận dụng được các kỹ năng bán hàng cơ bản vào trong tình huống thực tế để xử lý tốt các tình huống bán hàng cũng như rèn luyện và nâng cao khả năng thuyết trình, xây dựng được bản mô tả công việc, xây dựng được chương trình khuyến mãi và xây dựng quy trình mua hàng của khách hàng tiêu dùng và khách hàng tổ chức.

68. Quản trị thương hiệu

Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất về quản trị thương hiệu, đồng thời phải trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong việc ứng dụng các lý luận quản trị thương hiệu hiện đại vào thực tiễn kinh doanh của các doanh nghiệp. Học phần cung cấp những kiến thức nhất định về thương hiệu, về quá trình xây dựng và quản trị thương hiệu trên cơ sở tập hợp từ những nguồn khác nhau, phân tích những kinh nghiệm và những nhận định về chiến lược xây dựng thương hiệu của các doanh nghiệp thành đạt để từ đó đưa ra mô hình khái quát nhất về xây dựng thương hiệu.

69. Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của thị trường chứng khoán như chức năng, công cụ, mục tiêu, cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán; các phương thức hoạt động của thị trường chứng khoán sơ cấp và thứ cấp; các phương pháp phân tích và khả năng đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán; một số nội dung cơ bản về thị trường trái phiếu quốc tế và việc phát hành trái phiếu quốc tế.

70. Thuế

Trang bị kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, phương pháp tính và thủ tục kê khai nộp thuế bao gồm: thuế giá trị gia tăng; thuế xuất, nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế tài sản; phí và lệ phí.

71. Tính chi phí kinh doanh

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về mục tiêu, vai trò và các phương pháp tính chi phí kinh doanh theo điểm, theo đối tượng, theo khoản mục...Đề từ đó đưa ra các giải pháp cắt giảm chi phí cũng như tính sát giá thành sản xuất với mọi sản phẩm (dịch vụ) trong các tổ chức kinh tế, chính trị và xã hội.

72. Soạn thảo văn bản trong kinh doanh

Học phần Soạn thảo văn bản trong cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về văn bản, sự cần thiết của công tác soạn thảo văn bản, công tác văn thư lưu trữ và hình thành kỹ năng soạn thảo các loại văn bản thường sử dụng trong đời sống, trong hoạt động hành chính và hoạt động kinh doanh.

73. Thống kê doanh nghiệp

Thống kê doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp. Thông qua các số liệu thống kê từng lĩnh vực cụ thể của doanh nghiệp sinh viên có thể đưa ra các phân tích, nhận xét và các giải pháp giúp doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn.

74. Đề án quản trị tác nghiệp

Học phần Đề án quản trị tác nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về quản trị tác nghiệp cho doanh nghiệp và nghiên cứu sâu hơn các lĩnh vực về quản trị công nghệ, quản trị cung ứng nguyên vật liệu, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính cũng như phương pháp quản lý tác nghiệp trong các doanh nghiệp, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong học phần Quản trị tác nghiệp, làm cơ sở để sinh viên làm tốt hơn các chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp.

75. Đề án quản trị kinh doanh

Học phần Đề án quản trị kinh doanh nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về quản trị kinh doanh, về quản trị tác nghiệp cho doanh nghiệp và nghiên

cứu sâu hơn các lĩnh vực về quản trị công nghệ, quản trị cung ứng nguyên vật liệu, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính cũng như phương pháp quản lý sản xuất trong các doanh nghiệp, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong học phần Quản trị kinh doanh, làm cơ sở để sinh viên làm tốt hơn các chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp.

76. Thực tập chuyên đề

Thực tập chuyên đề là học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh có cơ hội tiếp cận với cơ cấu quản trị doanh nghiệp, tìm hiểu về cơ chế hoạt động, quy định chung tại đơn vị thực tập, phương thức điều hành, làm quen với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập; vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực hành quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp; trải nghiệm vào thực tế công việc chuyên môn.

77. Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; vận dụng kiến thức đã học vào công tác quản trị thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; tạo điều kiện cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc, phương thức tổ chức sản xuất, quản lý điều hành, tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị thực tập; rèn luyện khả năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

78. Khóa luận tốt nghiệp

Học phần khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Học phần giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo. Rèn luyện nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo. Rèn cho sinh viên tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.

79. Kinh tế môi trường

Học phần đã phân tích mối quan hệ giữa môi trường và phát triển, những vấn đề cơ bản về kinh tế học chất lượng môi trường, đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động môi trường, những vấn đề liên quan giữa tài nguyên, dân số, kinh tế với môi trường và những nội dung kiến thức cơ bản của quản lý môi trường phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam và xu hướng biến đổi môi trường toàn cầu.

80. Giao dịch và đàm phán kinh doanh

- Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh: Những vấn đề cơ bản trong giao dịch kinh doanh, kỹ năng giao tiếp và những điều cần biết khi giao dịch kinh doanh, văn hoá trong giao dịch và đàm

phán kinh doanh, những nguyên lý cơ bản về đàm phán kinh doanh, chiến lược trong đàm phán kinh doanh, quá trình đàm phán hợp đồng trong kinh doanh.

- Sau khi học xong học phần giao dịch và đàm phán kinh doanh, sinh viên vận dụng được các kỹ năng giao dịch và đàm phán cơ bản vào trong tình huống thực tế để xử lý tốt các tình huống giao dịch và đàm phán kinh doanh cũng như rèn luyện và nâng cao khả năng thuyết trình, xây dựng được quy trình đàm phán kinh doanh, xây dựng được chiến lược đàm phán và vận dụng được các quy tắc, các văn hoá trong giao dịch và đàm phán kinh doanh.

81. Quản trị văn phòng

Học phần Quản trị văn phòng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các công việc liên quan tới văn phòng và tổ chức kiểm tra công việc văn phòng. Giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về công việc văn phòng trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

82. Văn hoá kinh doanh

Học phần văn hóa kinh doanh trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp. Các thành phần cơ bản hình thành lên văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp như triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, mẫu mã sản phẩm, kiến trúc của doanh nghiệp...Trình bày cấu trúc nhân cách doanh nhân, giúp sinh viên có công cụ phân tích đánh giá hình thành lên nhân cách sống tích cực, có lập trường vững vàng.

11.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)

12. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
1.	Nguyễn Minh Tuấn	1977	Tiến sĩ Tài chính ngân hàng	1. Kinh tế lượng, 2. Lập và phân tích DADT 3. Thị trường chứng khoán 4. Thực tập chuyên đề 5. Thực tập tốt nghiệp
2.	Trần Thị Hằng	1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Quản trị kinh doanh 1 3. Quản trị kinh doanh 2 4. Quản trị tác nghiệp 1 5. Quản trị tác nghiệp 2 6. Đề án quản trị tác nghiệp 7. Đề án quản trị kinh doanh 8. Thực tập chuyên đề 9. Thực tập tốt nghiệp

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
3.	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kỹ năng quản trị 2. Quản trị chiến lược 3. Quản trị bán hàng 4. Quản trị thương hiệu 5. Phương pháp nghiên cứu khoa học 6. Luật kinh tế 7. Quản trị học 8. Thực tập chuyên đề 9. Thực tập tốt nghiệp
4.	Ngô Thị Luyện	1983	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Kinh tế lượng 4. Quản trị học 5. Quản trị marketing 6. Thương mại quốc tế 7. Đề án quản trị kinh doanh 8. Kinh tế môi trường 9. Phương pháp nghiên cứu khoa học
5.	Vũ Thị Hường	1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị nhân lực 2. Marketing căn bản 3. Giao tiếp trong kinh doanh 4. Quản trị marketing 5. Quản trị kinh doanh 1 6. Quản trị kinh doanh 2 7. Quản trị thương hiệu 8. Soạn thảo văn bản 9. Khởi nghiệp kinh doanh
6.	Nguyễn Thị Huệ	1985	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khởi nghiệp kinh doanh 2. Giao tiếp trong kinh doanh 3. Thương mại quốc tế 4. Kinh tế môi trường 5. Văn hóa kinh doanh 6. Thương mại điện tử căn bản 7. Quản trị tác nghiệp 1 8. Quản trị tác nghiệp 2 9. Quản trị bán hàng
7.	Nguyễn Thị Thủy	1986	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật kinh tế 2. Lý thuyết thống kê 3. Quy hoạch tuyến tính 4. Quản trị chất lượng 5. Soạn thảo văn bản trong kinh doanh

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
				6. Thống kê doanh nghiệp 7. Khởi nghiệp kinh doanh 8. Quản trị văn phòng
8.	Đinh Thị Kim Thiết	1980	Thạc sĩ Kinh tế	1. Kế toán tài chính 2. Phân tích hoạt động kinh tế 3. Thuế
9.	Nguyễn Thị Quỳnh	1986	Thạc sĩ Kế toán	1. Quản trị tài chính doanh nghiệp 2. Phân tích hoạt động kinh tế 3. Kế toán tài chính 4. Thị trường chứng khoán 5. Thuế 6. Nguyên lý kế toán căn bản
10.	Vũ Thị Thanh Thủy	1984	Thạc sĩ Kế toán	1. Thuế 2. Nguyên lý kế toán căn bản
11.	Vũ Thị Lý	1985	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Nguyên lý kế toán căn bản 2. Quản trị chiến lược 3. Quản trị tài chính doanh nghiệp 4. Kế toán tài chính
12.	Lương Thị Hoa	1989	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng	1. Quản trị tài chính doanh nghiệp 2. Phân tích hoạt động kinh tế 3. Thị trường chứng khoán
13.	Nguyễn Thị K. Nguyên	1974	Tiến sĩ Kinh tế	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh
14.	Phạm Thị Hồng Hoa	1977	Tiến sĩ Kinh tế	1. Giao tiếp trong kinh doanh 2. Kỹ năng giao tiếp 3. Kỹ năng làm việc nhóm 4. Kỹ năng thích ứng 5. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 6. Kinh tế chính trị Mác-Lênin.
15.	Hoàng Thị Hoa	1987	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Thương mại quốc tế 2. Quản trị kinh doanh 2 3. Quản trị bán hàng 4. Kinh tế môi trường 5. Giao dịch và đàm phán kinh doanh 6. Văn hóa kinh doanh
16.	Nguyễn Thanh Tú	1985	Thạc sĩ Quản trị kinh	1. Kế toán tài chính 2. Nguyên lý kế toán

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
			doanh	
17.	Vương Thị Thuý Huyền	1984	Thạc sĩ Kinh tế	1. Quản trị tài chính doanh nghiệp 2. Thị trường chứng khoán
18.	Lưu Thị Loan	1984	Thạc sĩ Kinh tế	1. Quản trị chất lượng 2. Luật kinh tế 3. Marketing căn bản 4. Kỹ năng quản trị 5. Quản trị chiến lược
19.	Nguyễn Thị Thuý Vân	1985	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Kỹ năng quản trị 2. Lập và phân tích DADT 3. Lý thuyết thống kê 4. Quản trị chất lượng 5. Tính chi phí kinh doanh
20.	Vũ Thị Thanh Huyền	1983	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Quản trị tài chính doanh nghiệp 2. Thị trường chứng khoán
21.	Đặng Thị Dương	1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Kế toán tài chính 2. Thuế
22.	Đào Văn Dậy	1985	Thạc sĩ Kế toán	1. Kế toán tài chính 2. Phân tích hoạt động kinh tế
23.	Nguyễn Thị Nhan	1987	Tiến sĩ CNXH khoa học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng giao tiếp 5. Kỹ năng làm việc nhóm 6. Kỹ năng thích ứng
24.	Phùng Thị Lý	1982	Tiến sĩ CNXH khoa học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 5. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 6. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 7. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
25.	Vũ Văn Đông	1982	Tiến sĩ Kinh tế chính trị	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp 4. Kỹ năng lãnh đạo
26.	Hà Đình Soát	1981	Thạc sĩ KH giáo dục	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
27.	Nguyễn Đức Thuận	1989	Thạc sĩ KH giáo dục	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
28.	Quán Thanh Tùng	1990	Thạc sĩ SPTDĐT	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
29.	Vũ Tiến Hiếu	1986	Thạc sĩ QLTĐĐT	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
30.	Phạm Anh Dũng	1981	Thạc sĩ SPTDĐT	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3 2. Giáo dục Quốc phòng và an ninh.
31.	Vũ Văn Chương	1973	Thạc sĩ Cơ khí	Giáo dục quốc phòng và an ninh.
32.	Phạm Xuân Đức	1980	Thạc sĩ Triết học	1. Pháp luật đại cương 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh 5. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 6. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 7. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện
33.	Nguyễn Thị Hiền	1985	Thạc sĩ Triết học	1. Pháp luật đại cương 2. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng mềm
34.	Trần Thị Hồng Nhung	1979	Thạc sĩ Triết học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng phát triển cá

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
				nhân và sự nghiệp 5. Kỹ năng lãnh đạo
35.	Phạm Văn Dự	1984	Tiến sĩ Triết học	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Triết học Mác - Lênin 3. Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp 4. Kỹ năng lãnh đạo
36.	Phạm Thị Mai	1982	Thạc sĩ Luật học	1. Pháp luật đại cương 2. Kỹ năng giao tiếp 3. Kỹ năng làm việc nhóm 4. Kỹ năng thích ứng
37.	Nguyễn Mạnh Tường	1977	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Pháp luật đại cương 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 4. Kỹ năng giao tiếp 5. Kỹ năng làm việc nhóm 6. Kỹ năng thích ứng
38.	Nguyễn Thị Hải Hà	1977	Thạc sĩ Lịch sử	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Kỹ năng mềm
39.	Đỗ Thị Thuỳ	1985	Thạc sĩ Triết học	1. Pháp luật đại cương; 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác – Lênin 4. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 5. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 6. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện
40.	Nguyễn Thị Tình	1987	Thạc sĩ Lịch sử	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 4. Kỹ năng tìm kiếm việc làm

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
				5. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện
41.	Đặng Thị Dung	1987	Thạc sĩ Lịch sử	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kỹ năng lập kế hoạch – Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện 4. Kỹ năng tìm kiếm việc làm 5. Kỹ năng tư duy sáng tạo – Phản biện
42.	Nguyễn Việt Tuấn	1983	Tiến sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
43.	Nguyễn Thị Diệp Huyền	1980	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
44.	Nguyễn Thị Huệ	1985	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
45.	Nguyễn Thị Hồng	1986	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
46.	Nguyễn Kiều Hiền	1986	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
47.	Đặng Thị Minh Phương	1979	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4
48.	Vũ Thị Lương	1978	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1,2,3,4 2. Tiếng Anh ngành QTKD
49.	Ngô Thị Mỹ Bình	1984	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4
50.	Trịnh Thị Chuyên	1981	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4
51.	Trần Hoàng Yến	1982	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1,2,3,4 2. Tiếng Anh ngành QTKD
52.	Tăng Thị Hồng Minh	1985	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1,2,3,4 2. Tiếng Anh ngành QTKD
53.	Trần Thị Mai Hương	1985	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4
54.	Phạm Thị Huyền Trang	1988	Thạc sĩ Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3,4

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
55.	Nguyễn Thị Hoa	1981	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
56.	Nguyễn Thị Lan	1980	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
57.	Bùi Thị Trang	1987	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
58.	Nguyễn Thị Xuyên	1989	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
59.	Đặng Thị Thanh	1979	Thạc sĩ Tiếng Anh, tiếng Nhật	Tiếng Nhật 1, 2, 3, 4, 5
60.	Hoàng Thị An	1987	Thạc sĩ KH máy tính	Tin học cơ bản 1,2
61.	Hoàng Thị Ngọc Diệp	1982	Thạc sĩ CNTT	Tin học cơ bản 1,2
62.	Phạm Văn Kiên	1979	Thạc sĩ CNTT	Tin học cơ bản 1,2
63.	Vũ Bảo Tạo	1979	Thạc sĩ Công nghệ phần mềm	Tin học cơ bản 1,2
64.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	1981	Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Tin học cơ bản 1,2
65.	Phạm Thị Hường	1981	Thạc sĩ Công nghệ phần mềm	Tin học cơ bản 1,2
66.	Hoàng Thị Ngát	1985	Thạc sĩ KH học máy tính	Tin học cơ bản 1,2
67.	Nguyễn Phúc Hậu	1982	Tiến sĩ Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Tin học cơ bản 1,2
68.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1989	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản 1,2

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

13.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng kế toán tin	7	Máy tính FPT Elead M533 E7500
		6	Máy tính để bàn đồng bộ FPT E7500

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
		2	Máy tính FPT Elead S989 core i3
		8	Máy tính để bàn (Sing pc)
		1	Máy tính Elead E965 core i3 550-3-2
		1	Máy chiếu đa năng 3Mx76
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Bình cứu hoả
		2	Bục giảng
		4	Quạt trần
		1	Điều hoà nhiệt độ Casper
		1	Điều hoà nhiệt độ Galanz
		2	Phòng thực hành Quản trị
1	Máy đếm tiền 2500		
3	Máy tính FPT Elead S989 core i3		
3	Máy tính FPT ELEAD core i3 3220		
6	Ghế khách hàng		
6	Ghế nhân viên		
1	Máy in LPB 2900		
1	Tủ mạng 19inch - 1020		
1	Switch plan net 16 cổng		
4	Ghế học sinh 2 chỗ ngồi		
6	Ghế học sinh 3 chỗ ngồi		
3	Quạt trần		
4	Quạt treo tường		
1	Bảng viết 1,5 x 2,5m		
3	Phòng thực hành Kế toán	1	Ti vi Plasma sam sung p560 F5000
		1	Máy đếm tiền 2500
		3	Máy tính FPT Elead S989 core i3
		3	Máy tính FPT S989 core i3 3220
		1	Máy tính ELEAD E965 core i3 550-3-2
		7	Ghế khách hàng (chân quỳ khung mạ)
		7	Ghế nhân viên (xoay da màu đen)
		1	Máy in LPB 2900

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
		1	Tủ mạng 19inch - 1020
		1	Switch plan net 16 cổng
		4	Ghế học sinh 2 chỗ ngồi
		6	Ghế học sinh 3 chỗ ngồi
		3	Quạt trần
		4	Quạt treo tường
		1	Bảng viết 1,5 x 2,5m

13.2. Thư viện

Nhà trường có Trung tâm thông tin - thư viện với tổng diện tích 615m² với 300 chỗ đọc và trên 4.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Các phòng chức năng được bố trí khoa học, thuận tiện cho lưu giữ và tìm kiếm tài liệu. Các phòng chức năng của Thư viện đều phục vụ tốt nhu cầu đọc, nghiên cứu, tra cứu của giảng viên và sinh viên. Phòng đọc - tra cứu tài liệu với không gian yên tĩnh, bố trí đủ chỗ ngồi và được trang bị điều hòa không khí, quạt mát. Phòng dữ liệu số được cứu bố trí 20 máy tính với phần mềm Libol. Thư viện số của Nhà trường có nguồn học liệu phong phú, được liên kết với thư viện của một số trường đại học trong nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Ngoài ra, tại trung tâm thực hành, thực nghiệm có bố trí nơi lưu trữ các nguồn học liệu chuyên ngành và không gian đọc, nghiên cứu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH của giảng viên, sinh viên.

13.3. Giáo trình, tập bài giảng

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
I	Giáo trình lưu hành nội bộ		ĐH Sao Đỏ	
1	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học		“	2019
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		“	2019
3	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		“	2020
4	Giáo trình Triết học Mác - Lênin		“	2019
5	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh		“	2020
6	Giáo trình Pháp luật đại cương		“	2020

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
7	Giáo trình Kỹ năng mềm		“	2019
8	Giáo trình Khởi nghiệp kinh doanh		“	2020
9	Giáo trình Tâm lý học đại cương		“	2020
10	Giáo trình Toán ứng dụng C1		“	2018
11	Giáo trình Toán ứng dụng C2		“	2018
12	Giáo trình Xác suất và thống kê		“	2020
13	Giáo trình Tin học cơ bản 1		“	2018
14	Giáo trình Tin học cơ bản 2		“	2018
15	Giáo trình Kinh tế vĩ mô		“	2020
16	Giáo trình Luật kinh tế		“	2020
17	Giáo trình Lý thuyết thống kê		“	2020
18	Giáo trình Quy hoạch tuyến tính		“	2020
19	Giáo trình Kinh tế lượng		“	2020
20	Giáo trình Marketing căn bản		“	2020
21	Giáo trình Kỹ năng quản trị		“	2020
22	Giáo trình Giao tiếp trong kinh doanh		“	2020
23	Giáo trình Thương mại quốc tế		“	2020
24	Giáo trình Thương mại điện tử căn bản		“	2020
25	Giáo trình Quản trị học		“	2020
26	Giáo trình Nguyên lý kế toán.		“	2020
27	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp		“	2020
28	Giáo trình Lập và phân tích dự án đầu tư		“	2020

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
29	Giáo trình Phân tích hoạt động kinh tế.		“	2020
30	Giáo trình Kế toán tài chính.		“	2020
31	Giáo trình Quản trị chất lượng		“	2020
32	Giáo trình Quản trị marketing.		“	2020
33	Giáo trình Quản trị nhân lực		“	2020
34	Giáo trình Quản trị kinh doanh 1		“	2020
35	Giáo trình Quản trị kinh doanh 2		“	2020
36	Giáo trình Quản trị chiến lược		“	2020
37	Giáo trình Quản trị tác nghiệp 1		“	2020
38	Giáo trình Quản trị sản xuất 2		“	2020
39	Giáo trình Quản trị bán hàng		“	2020
40	Giáo trình Quản trị thương hiệu		“	2020
41	Giáo trình thị trường chứng khoán		“	2020
42	Giáo trình Thuế.		“	2020
43	Giáo trình tính chi phí kinh doanh		“	2020
44	Giáo trình Soạn thảo văn bản trong kinh doanh		“	2020
45	Giáo trình Thống kê doanh nghiệp		“	2020
46	Giáo trình Kinh tế môi trường		“	2020
47	Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh		“	2020
48	Giáo trình Quản trị văn phòng		“	2020
49	Giáo trình Văn hóa kinh doanh		“	2020
II	Giáo trình tham khảo			
50	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn	Đảng Cộng sản	CTQG	2016

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	quốc lần thứ XII	Việt Nam		
51	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD&ĐT	CTQG	2006
52	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	CTQG	200
53	Toàn tập, Tập 20	C.Mác và Ph.Ăngghen	CTQG	2004
54	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	CTQG	2016
55	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin	Bộ GD&ĐT	CTQG	2006
56	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia	200
57	Toàn tập, Tập 25	C. Mác và Ph.Ăngghen	Chính trị quốc gia	1999
58	Giáo trình Đường lối các mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia	2010
59	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2008
60	Văn kiện Đại hội Đảng XI	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2011
61	Văn kiện Đại hội Đảng XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2016
62	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	Chính trị quốc gia	2002
63	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nguyễn Việt Thông	Chính trị quốc gia	2009
64	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia	2010
65	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng LLTW	Chính trị quốc gia	2003
66	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị quốc gia	2016
67	Giáo trình lý luận về Nhà nước và pháp luật	Nguyễn Văn Động	Giáo dục	2009
68	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Quốc hội	Sự thật	2014
69	Bộ luật Hình sự hiện hành	Quốc hội	Sự thật	2020
70	Bộ luật Dân sự hiện hành	Quốc hội	Sự thật	2020
71	Bộ luật lao động hiện hành	Quốc hội	Sự thật	2020

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
72	Luật Phòng chống tham nhũng hiện hành	Quốc hội	Sự thật	2020
73	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Giáo dục	2009
74	Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	ĐHKQTĐ	2019
75	Tâm lý học đại cương hướng dẫn trả lời lý thuyết giải bài tập tình huống và trắc nghiệm	Bùi Kim Chi, Phan Công Luận	Chính trị - Hành chính.	2010
76	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2010
77	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga	ĐHKQTĐ	2020
78	Tinh thần Khởi nghiệp Kinh doanh	Đình Việt Hòa	Đại học quốc gia Hà Nội	2012
79	Real life – Elementary – Students’ book.	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman	
80	Very Easy TOEIC, second edition.	Anne Taylor Garrett Byrne	Compass Publishing	
81	Taking the TOEIC Skills and Strategies.	Peggy Anderson, Mary Katherine Chadwick, Wendi Shin	Compass publishing	
82	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	2010
83	Big Step TOEIC 1	Kim Soyeong, Park Won	TP. Hồ Chí Minh	2017
84	Từ điển kỹ thuật Điện Anh Việt	Đỗ Hoàng Đạt	Khoa học và kỹ thuật	1999
85	Oxford English for Electrical and Mechanical Engineering.	Eric H. Glendinning, Norman Glendinning	Oxford University Press	1995
86	汉语会话301句	Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch	Khoa học xã hội	2010
87	Giáo trình Hán ngữ 1	Trần Thị Thanh Liêm	Đại học Quốc gia Hà Nội	2018
88	Giáo trình Hán ngữ 2	Trần Thị Thanh Liêm	Đại học Quốc gia Hà Nội	2018

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
89	Giáo trình Hán ngữ 3	Trần Thị Thanh Liêm	Đại học Quốc gia Hà Nội	2018
90	Giáo trình HSK 1	Khuong Lệ Bình	Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
91	Giáo trình HSK 2	Khuong Lệ Bình	Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh	2019
92	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1- Bản tiếng Nhật.	Mina No Nihongo	NXB Trẻ	2019
93	Minna no nihongo - Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt.	Mina No Nihongo	NXB Trẻ	2019
94	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Hán tự (Bản tiếng Việt).	Mina No Nihongo	NXB Trẻ	2019
95	Nhật ngữ sơ cấp - Luyện tập mẫu câu.	Mina No Nihongo	Thời đại	2013
96	Mina No Nihongo - Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng	Mina No Nihongo	NXB trẻ	2019
97	hợp các bài tập chủ điểm.			
98	Toán cao cấp, tập 1	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	Giáo dục	2018
99	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2018
100	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh		2018
101	Toán cao cấp, tập 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	Giáo dục	2020
102	Lý thuyết xác suất & Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Ngô Văn Thứ và Trần Thái Ninh	ĐHKTQD	2018
103	Xác suất nâng cao	Đặng Hùng Thắng	Đại học Quốc gia	2013

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
			Hà Nội	
104	Giáo trình Tin học đại cương	Bùi Thế Tâm		2007
105	Giáo trình điền kinh	Phạm Khắc Học	Thể dục thể thao	2004
106	Luật thi đấu điền kinh	Tổng cục TDTT	Thể thao và Du lịch	2018
107	Giáo trình một số nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia.	Phạm Văn Trường, Nguyễn Quang Dũng	Quân đội nhân dân	2007
108	Giáo trình giáo dục quốc phòng-An ninh (Tập 1)	Đào Huy Hiệp, Nguyễn Mạnh Hưởng	Giáo dục Việt Nam	2013
109	Giáo trình giáo dục quốc phòng-An ninh (Tập 2)	Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Tiến Hải	Giáo dục Việt Nam	2013
110	Giáo trình Điền kinh	Phạm Khắc Học	Thể dục thể thao	2004
111	Luật thi đấu Điền kinh	Tổng cục TDTT	Thể dục thể thao	2013
112	Giáo trình bóng chuyền	Đinh Văn Lãm, Phạm Thế Vượng, Đàm Chính Thống	Thể dục thể thao	2006
113	Luật Bóng chuyền hơi	Tổng cục TDTT	Thể dục thể thao	2018
114	Giáo trình bóng đá		ĐH Đà Lạt	2011
115	Luật bóng rổ	Tổng cục TDTT	Thể dục thể thao	2013
116	Giáo trình cầu lông	Nguyễn Văn Hồng, Trần Việt Dũng	ĐH sư phạm TP. Hồ Chí Minh	2008
117	Lý luận và phương pháp TDTT.	Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn	Thể dục thể thao	2006
118	Luật bóng chuyền và bóng chuyền bãi biển.	Tổng cục TDTT	Thể dục thể thao	2013
119	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	Chính trị Quốc gia	2010
120	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	Văn hóa Thông tin	2009
121	50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường	Khuyên Trần (Biên tập viên Alpha books)	Khoa học xã hội	2016

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
122	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Vũ Thị Thu Nhi, Nguyễn Thành Nhân dịch	TP. Hồ Chí Minh	2020
123	Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính mình	Vũ Minh Tân dịch	Khoa học xã hội	2016
124	Những người thành công tin tưởng vào điều gì	Thanh Tuyền dịch	Lao động - Xã hội	2018
125	Kỹ năng tổ chức các hoạt động công tác thanh thiếu niên	Phạm Đình Nghiệp, Lê Văn Cầu	Thanh niên	2010
126	Quản lý nhân sự	Đình Phúc , Khánh Linh	Tài chính	2007
127	Gương mặt các nhà quản lý năng động Việt Nam	Đoàn Thị Lam Luyến	Hội nhà văn	2020
128	Tâm lý học lao động	Đào Thị Oanh	Đại học Quốc gia Hà Nội	2003
129	Phương pháp hoạch định chiến lược	Hương Huy	Giao thông vận tải	2007
130	Giáo trình Kinh tế học vi mô 1	Nguyễn Văn Dần, Nguyễn Hồng Nhưng	Tài chính	2014
131	Câu hỏi - Bài tập - Trắc nghiệm Kinh tế vi mô	Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ, Nguyễn Hoàng Bảo	TP. Hồ Chí Minh	2020
132	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS Nguyễn Văn Dần	Tài chính	2010
133	Bài tập nguyên lý kinh tế vĩ mô	PGS.TS Nguyễn Văn Công	Lao động	2010
134	Giáo trình Pháp luật kinh tế	TS Nguyễn Hợp Toà	ĐHKTQD	2015
135	Nguyên lý thống kê (Lý thuyết thống kê)	PGS. TS Nguyễn Thị Kim Thúy	Lao động xã hội	2012
136	Bài tập lý thuyết thống kê và phân tích dự báo	TS. Chu Văn Tuấn, TS. Phạm Thị Kim Vân	Tài chính	2008
137	Giáo trình phương pháp tối ưu trong kinh doanh	TS. Trần Việt Lâm	Đại học Kinh tế Quốc dân	2010
138	Toán kinh tế.	PGS. Bùi Minh Trí	Bách Khoa Hà Nội	2008

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
139	Nhập môn Kinh tế lượng	Nguyễn Việt Khôi, Nguyễn Quỳnh Nga		2019
140	Phương pháp định lượng trong nghiên cứu	Đình Phi Hồ	Đại học Quốc gia Hà Nội	2020
141	Marketing căn bản	GS,TS. Trần Minh Đạo	Đại học Kinh tế quốc dân	2010
142	Giáo trình Marketing căn bản	Vũ Thị Tuyết	Đại học Quốc gia Hà Nội	2020
143	Các kỹ năng quản trị dành cho lãnh đạo doanh nghiệp	Trần Thị Vân Hoa	Bộ KH&ĐT	2012
144	Kỹ năng quản trị	Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung	ĐHKQTĐ	2011
145	Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức	TS. Phạm Vũ Khiêm, TS. Hứa Thuỳ Trang	Bách Khoa Hà Nội	2020
146	Phát triển kỹ năng lãnh đạo	Đình Việt Hoà MPSM, Nguyễn Thị Kim Oanh dịch, Lê Duy Hiếu hiệu đính	Lao động	2019
147	Ra quyết định quản trị	Hoàng Văn Hải, Nguyễn Việt Lộc, Nguyễn Ngọc Thăng	Đại học Quốc gia Hà Nội	2019
148	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	TS. Trịnh Quốc Trun	Lao động - Xã hội	2012
149	Giáo trình Thương mại quốc tế	TS. Trần Văn Hòe, TS. Nguyễn Văn Tuấn	ĐHKQTĐ	2014
150	Giáo trình Thương mại điện tử căn bản	TS. Trần Văn Hòe	Tài chính	2010
151	Thương mại điện tử hiện đại	Lưu Đan Thọ, Tôn Thất Hoàng Hải	Tài chính	2015
152	Quản trị học đại cương	Nguyễn Quang Chương	Bách Khoa Hà Nội	2017
153	Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Bộ Tài chính		2014
154	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	Tài chính	2018
155	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	TS. Nguyễn Trung Trục	Kinh tế TP. Hồ Chí	2015

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
			Minh	
156	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	GS, TS. Phạm Quang Trung	ĐHKQTĐ	2020
157	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	Phạm Thanh Long, Vũ Thị Thanh Thủy	Chính trị Quốc gia Sự thật	2018
158	Giáo trình lập và thẩm định dự án đầu tư	Đỗ Phú Trần Tình	Tài chính	2019
159	Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh	PGS.TS Phạm Văn Được	Kinh tế TP Hồ Chí Minh	2020
160	Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh	TS. Đặng Thị Việt Đức - ThS. Đinh Xuân Dũng	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2020
161	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng	Tài chính	2018
162	Quản trị marketing – Phiên bản lần thứ 15	Kotler Kelle	Hồng Đức	2020
163	Giáo trình quản trị nhân lực.	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quân	ĐHKQTĐ	2012
164	Giáo trình kinh tế nguồn nhân lực	PGS.TS Trần Xuân Cầu	ĐHKQTĐ	2019
165	Giáo trình Quản trị kinh doanh tập 1	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	ĐHKQTĐ	2017
166	Giáo trình Quản trị kinh doanh tập 2	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	ĐHKQTĐ	2013
167	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	TS Nguyễn Thành Hiển	ĐHKQTĐ	2010
168	Giáo trình Quản lý chất lượng	Ngô Phúc Mạnh	KHKT	2011
169	Giáo trình Quản trị kinh doanh	GS.TS Nguyễn Thành Độ PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	ĐHKQTĐ	2007
170	Giáo trình Quản trị kinh doanh tập 1	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	ĐHKQTĐ	2017
171	Giáo trình Quản trị kinh doanh tập 2	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	ĐHKQTĐ	2013
172	Giáo trình Quản trị Chiến lược	PGS.TS Ngô Kim Thanh	ĐHKQTĐ	2019
173	Bài tập quản trị Chiến lược	PGS.TS Ngô Kim Thanh	ĐHKQTĐ	2015
174	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	Trương Đức Lự, Nguyễn Đình Trung	ĐHKQTĐ	2010

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
175	Bài tập Quản trị sản xuất và tác nghiệp	TS. Trần Đức Lộc	NXB Tài chính	2009
176	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung	ĐHKQTĐ	2010
177	Bài tập Quản trị tác nghiệp	ThS. Nguyễn Đình Trung	ĐHKQTĐ	2011
178	Quản trị bán hàng	Trần Thị Thập	TT&TT	2012
179	Quản trị thương hiệu	TS. Phạm Thị Lan Hương	Tài chính	2014
180	Giáo trình thương hiệu với nhà quản lý		ĐHTM	2013
181	Giáo trình Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán	TS. Hoàng Văn Quỳnh	Tài chính	2013
182	Thị trường chứng khoán	Lê Hoàng Nga	Tài chính	2020
183	Thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp	PGS. TS Phạm Đức Cường, PGS. TS Trần Mạnh Dũng	Tài chính	2019
184	Giáo trình Thuế	TS. Phan Hữu Nghị, TS. Nguyễn Thị Bất	ĐHKQTĐ	2020
185	Giáo trình tính chi phí kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền	ĐHKQTĐ	2019
186	Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản kinh tế và quản trị doanh nghiệp	Th.S Lương Văn Úc	ĐHKQTĐ	2011
187	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	PGS. TS Nguyễn Công Nhựt	ĐHKQTĐ	2020
188	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung	ĐHKQTĐ	2010
189	Giáo trình Quản trị kinh doanh	GS.TS Nguyễn Thành Độ PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	ĐHKQTĐ	2016
190	Quản trị nhân lực	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quân ThS. Nguyễn Văn Diễm	ĐHKQTĐ	2017
191	Quản trị tác nghiệp	PGS.TS Trương Đức Lực, ThS. Nguyễn Đình Chung	ĐHKQTĐ	2017
192	Giáo trình Kinh tế môi trường	Nguyễn Đức Lợi	Tài chính	2013

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
193	Kinh tế Môi trường	Đoàn Thị Lan Phương	Thông tin và truyền thông.	2011
194	Tài liệu học tập Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp	2019
195	Giáo trình giao dịch và đàm phán kinh doanh	GS.TS Hoàng Đức Thân	ĐHKQTĐ	2019
196	Nghiệp vụ thư ký văn phòng, Viện Đào tạo – Nghiên cứu về Tổ chức và Hành chính	GS. TS Nguyễn Hữu Trí	KH&KT	2006
197	Bài giảng Văn hóa kinh doanh	PSG. TS Dương Thị Liễu	ĐHKQTĐ	2006
198	Giáo trình Văn hóa kinh doanh	PGS. TS Dương Thị Liễu	ĐHKQTĐ	2011

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

14.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Trong quá trình đào tạo sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Nhà trường thường xuyên kết hợp tổ chức các hoạt động ngoại khóa như: văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại,... để phát triển và nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên.

Để giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ về ngành Quản trị kinh doanh; đồng thời rèn luyện khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường, Khoa và Nhà trường tổ chức cho sinh viên khoá mới nhập học và sinh viên năm thứ 3, thứ 4 đi thăm quan trải nghiệm, học tập, thực tập tại một số doanh nghiệp trong nước liên quan đến ngành Quản trị kinh doanh. Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các quy chế, nội quy của Nhà trường; phân lớp, làm quen với giảng viên chủ nhiệm.
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Tổ chức vào dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm như: khai giảng năm học mới; ngày thành lập Đảng, Đoàn, Hội; ngày thành	- Phát triển, nâng cao kỹ năng mềm, khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. - Rèn luyện ý thức

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
			lập trường, lễ kỷ niệm 20-11; các sự kiện lớn của đất nước, địa phương,...	tổ chức kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường, yêu quê hương, đất nước.
3	Thăm quan phòng truyền thống của Nhà trường	Tập trung	Tổ chức vào dịp nghỉ hè và những ngày nghỉ trong tuần	Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển Nhà trường; cơ cấu tổ chức, các phòng, khoa, trung tâm trong trường.
4	Thăm quan trải nghiệm, học tập, thực tập tại doanh nghiệp	Tập trung	Tổ chức trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá học. Sinh viên năm thứ 3 hoặc thứ 4	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức đầy đủ về ngành theo học. Tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường. - Rèn luyện khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm. - Vận dụng được kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
5	Hoạt động thư viện (ngoài giờ học)	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập chính khóa	Cập nhật kiến thức chuyên môn liên quan đến ngành học Tìm kiếm thêm thông tin của ngành trên Internet.

14.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần từ 40 phút đến 60 phút đối với thi trắc nghiệm khách quan; từ 30 ÷ 45 phút/sinh viên đối với hình thức thi vấn đáp; từ 90 phút đến 120 phút đối với hình thức thi tự luận; từ 120 phút đến 180 phút đối với hình thức thi thực hành, đánh giá năng lực thực hiện. Đối với các học phần đánh giá kỹ năng nghe, đọc thì thời gian làm bài tối thiểu là 45 phút.

14.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp theo quy định.

14.4. Các chú ý khác

Trên cơ sở số lượng các học phần trong chương trình đào tạo, Khoa và phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo của năm học, khóa học và triển khai thực hiện hàng tuần, hàng tháng, hàng kỳ đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Nhượng